TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIÊT NAM
Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22-7-2021
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*1.Bà Trần Thanh Hải

2.Ông Trần Anh Tuấn

-***Thư ký phiên toà:*** Ông Đặng Trần Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu 6, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.(Có mặt)

Bị đơn: Anh Bùi Thanh Q - sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu 6, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo tại Toà án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Bùi Thanh Q ngày 08/10/2008, trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại khu 6, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 8 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp nhau. Từ năm 2019 đến nay, vợ chồng ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Thanh Q.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Lê Quang D - sinh

ngày 06/4/2009. Hiện nay chị đang nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Thanh Q không đến Tòa án để trình bày quan điểm mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án. Anh Bùi Thanh Q có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt do em trai anh Q là anh Bùi Quang H nộp. Trong đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, anh Q có quan điểm:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Lê Thị H.

-Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Lê Quang D - sinh ngày 06/4/2009. Ly hôn anh để chị H trực tiếp nuôi con chung. anh cấp dưỡng nuôi con cùng chị H là 1.000.000đồng/ tháng.

-Về tài sản chung: Không có.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 51, điều 56, điều 81, diều 82; điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

-Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H và đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Bùi Thanh Q.

-Về con chung: Xử: Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Lê Quang D - sinh ngày 06/4/2009 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Bùi Thanh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị H.

-Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có nên không xem xét.

-Về công nợ, công sức: Do anh Q vắng mặt không có lời trình bày nên các quan hệ trên cần tách ra khi nào có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

-Về án phí: Thực hiện theo quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng***: Tranh chấp ly hôn, con chung giữa chị Lê Thị H và anh Bùi Thanh Q là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Bùi Thanh Q có nơi cư trú tại xã P, thị xã P, tỉnh Phú

Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, chị H đã có lời trình bày tại Tòa án, anh Q vắng mặt không lý do mặc dù đã tống đạt hợp lệ và Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Sau khi tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Q có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt gửi Tòa án. Vì vậy, căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Bùi Thanh Q.

[2]. ***Về quan hệ hôn nhân***: Chị Lê Thị H và anh Bùi Thanh Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ vào ngày 08/10/2008 đó là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 8 năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp nhau, nên thường xuyên xảy ra cải nhau, không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ, không quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q không đến Tòa án để trình bày quan điểm của minh mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Như vậy, anh Q đã cố tình lẩn tránh, từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Sau khi tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Q có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt và thể hiên quan điểm đồng ý ly hôn với chị H. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng chị H, anh Q không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H xin ly hôn anh Q là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3]. ***Về con chung***: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Lê Quang D - sinh ngày 06/4/2009. Hiện nay con chung đang ở với chị H. Ly hôn, quan điểm của chị H là xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung và quan điểm của anh Q là để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 1.000.000đồng/tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay con chung do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng và nguyện vọng của con chung của anh chị là xin ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi cho con chung của anh, chị phát triển toàn diện; không làm sáo trộn cuộc sống của con chung và phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ, phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do chị Lê Thị H không yêu cầu anh Bùi Thanh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. ***Về tài sản chung:*** Chị H, anh Q trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].**Về *công nợ, công sức***: Chị H trình bày không có. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh Q vắng mặt nên không có lời trình bày, do đó không biết các

quan hệ trên có hay không. Do vậy, các quan hệ này cần được tách ra khi nào anh Q có yêu cầu thì Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[6]. ***Về án phí***: Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82; điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử: Cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Bùi Thanh Q.

2.Về con chung: Xử: Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Lê Quang D - sinh ngày 06/4/2009 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Bùi Thanh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị H.

Anh Bùi Thanh Q có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003766 ngày 08/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P. Chị Lê Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND thị;
-Đương sự;
-Chi cục THADS thị xã;
-Lưu hồ sơ (2 bản);
-Lưu văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thu Hiền